

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư.

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Lương Dương T1 Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm Y, xã L, huyện P, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân T1, sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm Y, xã L, huyện P, tỉnh T

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ngô Xuân T1 năm 2007, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại xóm Yên Thủy 2, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; sau đó chuyển ra sinh sống tại TDP Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau đó do anh T1 chơi bời dẫn đến mâu Tẫn. Năm 2020 anh T1 đi chấp hành án đến tháng 5/2022 thì được trở về. Tuy nhiên anh T1 vẫn tiếp tục chơi bời, không chịu khó làm ăn, vợ chồng mâu Tẫn, không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không thể hòa hợp được. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008; Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị mong muốn được nuôi con chung nhưng sẽ tôn trọng ý kiến của con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2022 bị đơn là anh Ngô Xuân T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2007, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm Yên Thủy 2, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên được một thời gian thì chuyển đến sinh sống tại TDP Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến năm 2020 anh đi chấp hành án 21 tháng, sau khi anh chấp hành án xong và trở về được khoảng 01 tháng thì chị T đòi ly hôn. . Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn gia đình đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008; Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017. Hiện nay con chung Ngô Tuấn A đang ở với anh, con chung Ngô Bảo C đang ở với chị T. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải các đương sự, hai bên đương sự đều có mặt không thống nhất được toàn bộ vấn đề. Tại Biên bản Hòa giải ngày 28/7/2022, nội dung các đương sự đã thống nhất và không thống nhất được:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị T xin ly hôn, anh T1 yêu cầu được đoàn tụ.
- Về con chung: Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng muốn nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.
- Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tất cả các vấn đề trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/9/2022, Chị Nguyễn Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa vì điều kiện đi lại xa xôi, điều kiện công việc và con còn bé; chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, xin được ly hôn với anh T1. Về con chung con lớn Ngô Tuấn A nếu có nguyện vọng muốn ở với anh T1 thì chị cũng nhất trí. Chị có nguyện vọng muốn nuôi con nhỏ là Ngô Bảo C, hiện con đang học tại trường mầm non Smat Plus tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Ngô Xuân T1.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Xuân T1.

Về con chung: Giao con Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008 cho anh Ngô Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1, chị T.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: chị T chịu 300.000 đồng án phí và các đương sự được quyền

kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Ngô Xuân T1 có nơi cư trú tại xóm Yên Thủy 2, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Mâu Tẫn phát sinh do anh T1 ham chơi, không chịu khó làm ăn, chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Năm 2020 anh T1 đi chấp hành án, đến tháng 5/2022 được về. Tuy nhiên anh T1 vẫn tiếp tục ham chơi, không chịu làm ăn, vợ chồng mâu Tẫn không có tiếng nói chung, không hòa hợp được. Từ khi anh T1 chấp hành án về vợ chồng sống chung được khoảng 01 tháng thì mâu Tẫn tiếp nên chị đã bế con về nhà ngoại ở Thanh Hóa để làm ăn, sinh sống.

Anh T1 xác định vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, đến năm 2021 anh đi chấp hành án 21 tháng, sau khi anh chấp hành án xong được gần 01 tháng thì chị T đòi ly hôn. Anh và chị T không ở chung cho đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với vợ, anh muốn được đoàn tụ.

Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2022 tại xóm Yên Thủy 2, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, mẹ đẻ anh Ngô Xuân T1 là bà Nguyễn Thị Nhựt, sinh năm 1957, trình bày: Anh T1 và chị T kết hôn, về sống với gia đình bố mẹ chồng khoảng được 06 (sáu) năm thì Tê nhà ở thị trấn Du, huyện Phú Lương để làm ăn. Mâu Tẫn vợ chồng phát sinh do anh T1 mãi chơi, lơ đãng, vi phạm pháp luật

về tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh T1 đi chấp hành án tù năm 2020. Khi anh T1 đi chấp hành án về, vợ chồng cũng có những mâu thuẫn về tình cảm. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào khoảng tháng 5/2022, vợ chồng xô xát, to tiếng và chị T đã mang theo con nhỏ là cháu Ngô Bảo C. Gia đình hai bên đều có nguyện vọng muốn các con đoàn tụ để nuôi dạy các cháu nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh T1. Bà xác định chị T cũng có những cái sai với chồng, không chỉ sai ở phía anh T1.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có 02 con chung là Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008; Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017. Hiện con chung Ngô Tuấn A đang ở với anh T1, con chung Ngô Bảo C đang ở với chị T. Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Ngô Tuấn A và cháu Ngô Bảo C đều chưa thành niên; anh Ngô Xuân T1 và chị Nguyễn Thị T có quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con theo quy định tại khoản 1 điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cháu Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008, hiện đang ở với anh T1 tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/7/2022 cháu Tuấn A muốn ở với bố để tiện đi học. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/9/2022 chị T trình bày con Tuấn A có nguyện vọng muốn ở với bố chị cũng nhất trí. Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hoà giải ngày 28/7/2022, anh T1 xác định hiện anh đang làm Salon tóc tại tổ dân phố Cầu Trắng, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, T nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000đ (chín triệu đồng) đến 10.000.000đ (mười triệu đồng). Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, việc giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với yêu cầu của anh T1, ý chí của chị T và nguyện vọng của cháu Tuấn A.

Cháu Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017, hiện đang ở với mẹ tại số nhà 22/100, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (theo Thông báo số 000688/TB ngày 23/8/2022 của Công an phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa), đang theo học tại trường mầm non Smart Plus tại thành phố Thanh Hóa (theo Giấy xác nhận của Hiệu trưởng trường mầm non Smart Plus); Tại đơn xin xác nhận T nhập ngày 18/8/2022, Giám đốc Học viện tóc Dung⁺ Hair Group

Acadmy xác nhận T nhập của chị T là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)/tháng. Anh T1 hiện đang nuôi con lớn là Ngô Tuấn A. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu Ngô Bảo C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T, anh T1 do chị T, anh T1 không có yêu cầu. Chị T, anh T1 có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Ngô Xuân T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 52, 56, 58, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Ngô Xuân T1.

2. Về con chung: Giao con Ngô Tuấn A, sinh ngày 25/6/2008 cho anh Ngô Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Ngô Bảo C, sinh ngày 24/8/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1, chị T. Anh T1, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai T số 0003412 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

6. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với nguyên đơn, bị đơn.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Lạc
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Linh